

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 – 2 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 3 – 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 | 5 – 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 | 8 - 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 10 – 35 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ
KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01,
Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Khánh Hội trước đây là Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 0302251673 vào ngày 19 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 VND.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Bình Minh | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Thi | Thành viên |
| Ông Lê Văn Trường | Thành viên |
| Ông Đinh Lê Chiến | Thành viên |
| Bà Nguyễn Ngọc Hạnh | Thành viên |
| Ông Thân Đức Dương | Thành viên |
| Ông Bùi Tuấn Ngọc | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|----------------|
| Ông Vũ Hoàng Tuấn | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Thủy | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Dũng | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|-------------------|
| Bà Nguyễn Ngọc Hạnh | Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Văn Nam | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Thân Đức Dương | Phó Tổng Giám đốc |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hạnh
Tổng giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Số: 17.118-HN/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 11 tháng 08 năm 2016, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Đặng Thị Hồng Loan

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.23 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Th. minh | Tại ngày 30/06/2016 | Tại ngày 01/01/2016 |
|---|------------|----------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 261.732.703.152 | 269.957.563.752 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 69.301.907.229 | 101.944.931.099 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.041.907.229 | 2.244.931.099 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 67.260.000.000 | 99.700.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 184.205.465.596 | 161.705.465.596 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5.2 | 184.205.465.596 | 161.705.465.596 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 6.273.474.366 | 4.437.494.416 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 4.894.229.087 | 3.318.593.761 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 86.075.877 | 86.410.796 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.4 | 1.293.169.402 | 1.032.489.859 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 5.5 | 258.923.481 | 301.438.099 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 258.923.481 | 301.438.099 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.692.932.480 | 1.568.234.542 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.035.279.473 | 1.557.812.921 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.9 | 657.653.007 | 10.421.621 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 142.282.490.340 | 156.827.374.778 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 46.937.862.343 | 46.937.862.343 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.4 | 46.937.862.343 | 46.937.862.343 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 14.947.922.800 | 15.739.028.118 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.7 | 14.775.407.889 | 15.458.179.718 |
| Nguyên giá | 222 | | 22.820.995.283 | 22.737.062.357 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (8.045.587.394) | (7.278.882.639) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | 172.514.911 | 280.848.400 |
| Nguyên giá | 228 | | 941.140.000 | 941.140.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (768.625.089) | (660.291.600) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | 5.8 | 24.239.436.339 | 24.831.313.689 |
| 1. Nguyên giá | 231 | | 42.943.115.770 | 42.943.115.770 |
| 2. Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (18.703.679.431) | (18.111.802.081) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 5.6 | 12.772.069.770 | 26.137.374.224 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | 657.093.482 | 14.258.959.536 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 12.114.976.288 | 11.878.414.688 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.2 | 41.547.595.683 | 40.749.259.683 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 18.025.669.517 | 18.025.669.517 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 41.968.466.666 | 41.968.466.666 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (18.446.540.500) | (19.244.876.500) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.837.603.405 | 2.432.536.721 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 1.785.793.481 | 2.375.359.355 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 51.809.924 | 57.177.366 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 404.015.193.492 | 426.784.938.530 |

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ
KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Th. minh | Tại ngày 30/06/2016 | Tại ngày 01/01/2016 |
|--|------------|----------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 33.042.443.666 | 47.874.215.087 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 29.091.745.560 | 36.989.707.983 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 228.645.911 | 343.008.248 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 976.655.547 | 924.212.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.9 | 3.970.006.524 | 15.694.904.151 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.000.520.758 | 281.949.560 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 102.401.942 | 121.203.152 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 65.663.766 | 50.600.000 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.10 | 8.587.122.612 | 8.222.618.498 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | 5.427.000.000 | 5.427.000.000 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 8.733.728.500 | 5.924.212.374 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 3.950.698.106 | 10.884.507.104 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.10 | 3.950.698.106 | 10.884.507.104 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 370.972.749.826 | 378.910.723.443 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.11 | 370.972.749.826 | 378.910.723.443 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 141.203.090.000 | 141.203.090.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 141.203.090.000 | 141.203.090.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 95.682.643.118 | 95.682.643.118 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (13.376.358.507) | (13.376.358.507) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 58.800.523.512 | 35.316.280.480 |
| 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 37.571.898.969 | 37.571.898.969 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 51.090.952.734 | 82.513.169.383 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | 31.175.043.090 | 2.138.464.385 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 19.915.909.644 | 80.374.704.998 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 404.015.193.492 | 426.784.938.530 |



Nguyễn Ngọc Hạnh
Tổng Giám đốc

Tp.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Quách Toàn Bình
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Nhựt
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ
KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-------|----------|-------------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 31.069.515.860 | 28.719.087.905 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 10.556.975.000 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 6.1 | 31.069.515.860 | 18.162.112.905 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 11.373.503.543 | 6.592.408.569 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 19.696.012.317 | 11.569.704.336 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 7.621.141.696 | 5.484.961.535 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | (784.467.000) | - |
| <i>Trong đó, chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>13.869.000</i> | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 31.779.500 | 90.795.362 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 6.617.369.105 | 6.644.064.101 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 21.452.472.408 | 10.319.806.408 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 9.823.745.142 | 3.834.684.785 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.8 | 4.107.551.173 | 3.093.887.337 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 5.716.193.969 | 740.797.448 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 27.168.666.377 | 11.060.603.856 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.10 | 5.187.389.291 | 2.140.426.883 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 6.11 | 5.367.442 | (3.109.284) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 21.975.909.644 | 8.923.286.257 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 21.975.909.644 | 8.923.286.257 |
| 19. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 70 | | 1.583 | 629 |



Nguyễn Ngọc Hạnh
Tổng Giám đốc

Tp.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Quách Toàn Bình
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Nhựt
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-------|----------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 27.168.666.377 | 11.060.603.856 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 1.492.914.585 | 1.412.458.227 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | (798.336.000) | - |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (7.611.832.687) | (5.484.961.535) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 13.869.000 | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 20.265.281.275 | 6.988.100.548 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (2.535.011.254) | (3.412.022.253) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 13.644.380.672 | (23.837.590.768) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (8.100.035.518) | 81.439.354.162 |
| Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.112.099.322 | (672.190.757) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (16.889.762.837) | (7.286.570.012) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 309.700.000 | 1.489.561.181 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (6.201.408.635) | (6.509.458.490) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 1.605.243.025 | 48.199.183.611 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (355.802.526) | (249.839.920) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (82.500.000.000) | (43.300.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 60.000.000.000 | 15.500.000.000 |
| 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 1.767.997.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 7.678.309.056 | 4.929.866.078 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (15.177.493.470) | (21.351.976.842) |

39-
TY
TUI
NAI
SC

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ
KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành
phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03a - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Th. minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-------|----------|------------------|------------------|
| 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu | 36 | | (19.070.773.425) | (22.983.190.200) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (19.070.773.425) | (22.983.190.200) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | (32.643.023.870) | 3.864.016.569 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 101.944.931.099 | 80.682.560.891 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60) | 70 | | 69.301.907.229 | 84.546.577.460 |



Nguyễn Ngọc Hạnh
Tổng Giám đốc

Tp.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Quách Toàn Bình
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Nhựt
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 0302251673 vào ngày 19 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 3 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (Chi tiết: Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê bến bãi. Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho.)

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.4. Số lượng các công ty con được hợp nhất

| <u>STT</u> | <u>Tên công ty con trực tiếp</u> | <u>Địa chỉ</u> | <u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u> |
|------------|---|--|--|-------------------------------------|
| 1. | Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội | 360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM | 100% | 100% |
| 2. | Công ty TNHH MTV SGD BĐS Khánh Hội | 360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM | 100% | 100% |
| 3. | Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội | 360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM | 100% | 100% |

1.5. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| <u>STT</u> | <u>Tên công ty liên kết</u> | <u>Địa chỉ trụ sở chính</u> | <u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u> | <u>Tỷ lệ phần sở hữu</u> |
|------------|---|---|-------------------------------|--------------------------|
| 1. | Công ty CP DV Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội | 360C Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM | 49% | 49% |
| 2. | Công ty CP Chế Biến Thực Phẩm Hóc Môn | 14/7A Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, TP.HCM | 20% | 20% |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

4.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

23
CÔNG
TY
KHÁNH
HỘI
VÀ
CÁC
CÔNG
TY
CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

| | |
|----------------------------------|------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 7 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 6 – 08 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 5 năm |
| ▪ Tài sản cố định hữu hình khác | 3 năm |

4.8. Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy kế toán

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

| | |
|----------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 48 năm |
| ▪ Quyền sử dụng đất | 2 – 50 năm |
| ▪ Nhà và quyền sử dụng đất | 40 – 50 năm |

178
G T
'H
TUI
TAM
SHI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Bên góp vốn ghi nhận tài sản đóng góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải thu khác; Bên nhận góp vốn ghi nhận tài sản các bên góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải trả khác.

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng:

Doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

4.12. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.13. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

Thu nhập từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.18. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.19. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 10% đối với thu nhập từ dịch vụ giáo dục và 20% với các loại thu nhập khác.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.23. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Tại ngày 30/06/2016 VND | Tại ngày 01/01/2016 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 408.189.756 | 233.791.500 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.633.717.473 | 2.011.139.599 |
| Các khoản tương đương tiền | 67.260.000.000 | 99.700.000.000 |
| Cộng | 69.301.907.229 | 101.944.931.099 |

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 30/06/2016 | | Tại ngày 01/01/2016 | |
|--|-----------------------|--|-----------------------|--|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc khoản đầu tư | Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Giá gốc khoản đầu tư | Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: | | | | |
| Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội | 1.470.000.000 | - | 1.470.000.000 | - |
| Công ty CP Chế biến Thực Phẩm Hóc Môn | 18.000.000.000 | 18.025.669.517 | 18.000.000.000 | 18.025.669.517 |
| Cộng | 19.470.000.000 | 18.025.669.517 | 19.470.000.000 | 18.025.669.517 |

(Xem tiếp trang sau)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

| | Tại ngày 30/06/2016 | | | Tại ngày 01/01/2016 | | |
|--|-----------------------|-------------------------|----------------|-----------------------|-------------------------|----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào đơn vị khác: | | | | | | |
| Công ty CP Đầu tư Phát Triển CN- TM Củ Chi | 16.159.866.666 | (12.095.038.666) | 4.064.828.000 | 16.159.866.666 | (12.393.374.666) | 3.766.492.000 |
| Công ty CP Thương Mại Phú Nhuận | 6.600.000.000 | (200.000.000) | 6.400.000.000 | 6.600.000.000 | (700.000.000) | 5.900.000.000 |
| Công ty CP Kỹ Thuật Xây Dựng Phú Nhuận | 1.162.500.000 | (40.000.000) | (*) | 1.162.500.000 | (40.000.000) | (*) |
| Công ty CP Căn nhà mở ược Đông Nam | 12.000.000.000 | (6.000.000.000) | (*) | 12.000.000.000 | (6.000.000.000) | (*) |
| Công ty CP BĐS Bến Thành Đức Khải | 619.100.000 | (111.501.834) | (*) | 619.100.000 | (111.501.834) | (*) |
| Công ty CP TMDV Lâu Đài Ven Sông | 5.427.000.000 | - | (*) | 5.427.000.000 | - | (*) |
| Cộng | 41.968.466.666 | (18.446.540.500) | | 41.968.466.666 | (19.244.876.500) | |

Tập đoàn đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Phát Triển CN- TM Củ Chi và Công ty CP Thương Mại Phú Nhuận trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ.

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | Tại ngày 30/06/2016 VND | Tại ngày 01/01/2016 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội | 2.530.468.777 | 1.964.727.952 |
| Các khách hàng khác | 2.363.760.310 | 1.353.865.809 |
| Cộng | 4.894.229.087 | 3.318.593.761 |
| Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 6.13: | | |
| Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội | 2.530.468.777 | 1.852.280.452 |
| Tổng công ty Bến Thành – TNHH MTV | 5.192.035 | - |

5.4. Phải thu khác

| | Tại ngày 30/06/2016 VND | | Tại ngày 01/01/2016 VND | |
|---|----------------------------|----------|----------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn: | | | | |
| Tạm ứng cho BQL CCKH 3 | 100.000.000 | - | 100.000.000 | - |
| Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng | 709.729.602 | - | 766.896.962 | - |
| Tạm ứng cho nhân viên | 100.990.000 | - | 31.500.000 | - |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 265.550.000 | - | 85.550.000 | - |
| Phải thu khác | 116.899.800 | - | 48.542.897 | - |
| Cộng | 1.293.169.402 | - | 1.032.489.859 | - |
| Dài hạn: | | | | |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 12.100.000 | - | 12.100.000 | - |
| Dự án Xuân Thới Đông Hóc Môn (Công ty CPTM Hóc Môn) | 46.925.762.343 | - | 46.925.762.343 | - |
| Cộng | 46.937.862.343 | - | 46.937.862.343 | - |

5.5. Hàng tồn kho

| | Tại ngày 30/06/2016 VND | | Tại ngày 01/01/2016 VND | |
|------------------|----------------------------|----------|----------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công cụ, dụng cụ | | - | 49.400.000 | - |
| Thành phẩm | 252.038.099 | - | 252.038.099 | - |
| Hàng hóa | 6.885.382 | - | | - |
| Cộng | 258.923.481 | - | 301.438.099 | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.6. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang là chi phí mua sắm và xây dựng dự án Nhà 70-72-74 Nguyễn Tất Thành.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn:

| | Tại ngày 30/06/2016 | | Tại ngày 01/01/2016 | |
|--|---------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Dự án Tân Thới Hiệp - Hóc Môn (Chung cư Khánh Hội 4) | - | - | 13.914.280.043 | 13.914.280.043 |
| Các dự án khác | 657.093.482 | 657.093.482 | 344.679.493 | 344.679.493 |
| Cộng | 657.093.482 | 657.093.482 | 14.258.959.536 | 14.258.959.536 |

Trong năm, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ dự án Tân Thới Hiệp - Hóc Môn (Chung cư Khánh Hội 4) theo biên bản thanh lý hợp đồng số: 09/BBTL/KHA ngày 15/05/2016.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tài sản cố định hữu hình khác VND | Cộng VND |
|----------------------------|-------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 17.568.566.947 | 667.341.772 | 2.497.517.749 | 656.709.596 | 1.346.926.293 | 22.737.062.357 |
| Mua trong kỳ | - | - | - | 119.240.926 | - | 119.240.926 |
| Giảm khác | - | - | - | (35.308.000) | - | (35.308.000) |
| Tại ngày 30/06/2016 | 17.568.566.947 | 667.341.772 | 2.497.517.749 | 740.642.522 | 1.346.926.293 | 22.820.995.283 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 5.039.076.569 | 411.125.176 | 788.611.581 | 478.966.132 | 561.103.181 | 7.278.882.639 |
| Khấu hao trong kỳ | 449.118.387 | 9.660.000 | 141.675.724 | 65.571.529 | 126.678.106 | 792.703.746 |
| Giảm khác | - | - | - | (25.998.991) | - | (25.998.991) |
| Tại ngày 30/06/2016 | 5.488.194.956 | 420.785.176 | 930.287.305 | 518.538.670 | 687.781.287 | 8.045.587.394 |
| Giá trị còn lại: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 12.529.490.378 | 256.216.596 | 1.708.906.168 | 177.743.464 | 785.823.112 | 15.458.179.718 |
| Tại ngày 30/06/2016 | 12.080.371.991 | 246.556.596 | 1.567.230.444 | 222.103.852 | 659.145.006 | 14.775.407.889 |

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.039.879.751 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

| 5.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư cho thuê | | | | |
|---|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Khoản mục | Số đầu năm | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Số cuối kỳ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá: | | | | |
| Nhà | 20.331.586.862 | - | - | 20.331.586.862 |
| Nhà và quyền sử dụng đất | 22.611.528.908 | - | - | 22.611.528.908 |
| Cộng | 42.943.115.770 | - | - | 42.943.115.770 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | |
| Nhà | 14.036.340.032 | 266.603.562 | - | 14.302.943.594 |
| Nhà và quyền sử dụng đất | 4.075.462.049 | 325.273.788 | - | 4.400.735.837 |
| Cộng | 18.111.802.081 | 591.877.350 | - | 18.703.679.431 |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Nhà | 6.295.246.830 | | | 6.028.643.268 |
| Nhà và quyền sử dụng đất | 18.536.066.859 | | | 18.210.793.071 |
| Cộng | 24.831.313.689 | | | 24.239.436.339 |

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 2.816.943.977 VND.

Tập đoàn chưa xác định được một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 để thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ
KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01,
Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Tại ngày 01/01/2016 VND | Số phải nộp trong kỳ VND | Số đã thực nộp trong kỳ VND | Tại ngày 30/06/2016 VND |
|-------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| Phải nộp: | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 732.291.722 | 2.276.267.174 | 2.363.451.813 | 645.107.083 |
| Thuế TNDN | 14.927.538.684 | 5.187.389.291 | 16.889.762.837 | 3.225.165.138 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 31.387.381 | 462.877.391 | 398.166.833 | 96.097.939 |
| Các loại thuế khác | 3.686.364 | 7.500.000 | 7.550.000 | 3.636.364 |
| Cộng | 15.694.904.151 | 7.934.033.856 | 19.658.931.483 | 3.970.006.524 |
| Phải thu: | | | | |
| Thuế TNDN | 10.421.621 | - | - | 10.421.621 |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | - | 309.697.800 | 956.929.186 | 647.231.386 |
| Cộng | 10.421.621 | 309.697.800 | 956.929.186 | 657.653.007 |

5.10. Phải trả khác

| | Tại ngày 30/06/2016 VND | Tại ngày 01/01/2016 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn: | | |
| Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp | 2.893.100 | 9.247.323 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 435.517.000 | 210.074.000 |
| Tiền bảo trì CC KH2 – Căn hộ | 4.704.389.508 | 4.716.031.508 |
| Tiền bảo trì CC KH2 – Văn phòng | 296.336.619 | 296.336.619 |
| Tiền bảo trì CC KH3 – Căn hộ | 2.526.495.046 | 2.526.495.046 |
| Cổ tức phải trả | 3.826.725 | 3.826.725 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 617.664.614 | 460.607.277 |
| Cộng | 8.587.122.612 | 8.222.618.498 |
| Dài hạn: | | |
| Nhận góp vốn dự án CC KH 4 – Công ty CP Thương Mại Học Môn | - | 6.957.140.021 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 3.950.698.106 | 3.927.367.083 |
| Cộng | 3.950.698.106 | 10.884.507.104 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.11. Vốn chủ sở hữu

5.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | | | Cộng VND |
|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | |
| | VND | VND | VND | VND | VND | |
| Số dư tại ngày 01/01/2015 | 141.203.090.000 | 95.682.643.118 | (13.376.358.507) | 51.075.702.633 | 56.784.470.132 | 331.369.547.376 |
| Lãi trong 6 tháng đầu năm trước | - | - | - | - | 8.923.286.257 | 8.923.286.257 |
| Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | - | - | - | 21.812.476.816 | (21.812.476.816) | - |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (7.296.587.751) | (7.296.587.751) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (12.768.439.000) | (12.768.439.000) |
| Giảm khác | - | - | - | - | (63.180) | (63.180) |
| Số dư tại ngày 30/06/2015 | 141.203.090.000 | 95.682.643.118 | (13.376.358.507) | 72.888.179.449 | 23.830.189.642 | 320.227.743.702 |
| Lãi trong 6 tháng cuối năm trước | - | - | - | - | 71.451.418.741 | 71.451.418.741 |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (12.768.439.000) | (12.768.439.000) |
| Số dư tại ngày 01/01/2016 | 141.203.090.000 | 95.682.643.118 | (13.376.358.507) | 72.888.179.449 | 82.513.169.383 | 378.910.723.443 |
| Lãi trong 6 tháng đầu năm nay | - | - | - | - | 21.975.909.644 | 21.975.909.644 |
| Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | - | - | - | 23.484.243.032 | (23.484.243.032) | - |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (8.701.224.761) | (8.701.224.761) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (19.152.658.500) | (19.152.658.500) |
| Giảm khác | - | - | - | - | (2.060.000.000) | (2.060.000.000) |
| Số dư tại ngày 30/06/2016 | 141.203.090.000 | 95.682.643.118 | (13.376.358.507) | 96.372.422.481 | 51.090.952.734 | 370.972.749.826 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ
KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01,
Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Tại ngày 30/06/2016 VND | Tại ngày 01/01/2016 VND |
|--------------------------------|--|--|
| Vốn góp của Nhà nước | 40.073.870.000 | 40.073.870.000 |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 101.129.220.000 | 101.129.220.000 |
| Cộng | 141.203.090.000 | 141.203.090.000 |

5.11.3. Cổ phiếu

| | Tại ngày 30/06/2016 | Tại ngày 01/01/2016 |
|--|--------------------------------|--------------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 14.120.309 | 14.120.309 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 14.120.309 | 14.120.309 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ) | (1.351.870) | (1.351.870) |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 12.768.439 | 12.768.439 |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.11.4. Các quỹ của doanh nghiệp

| | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND |
|----------------------------|--|--|
| Tại ngày 01/01/2016 | 35.316.280.480 | 37.571.898.969 |
| Trích trong kỳ | 23.484.243.032 | - |
| Tại ngày 30/06/2016 | 58.800.523.512 | 37.571.898.969 |

51
NK
TNI
DÁN
VII
P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|---|----------------|-----------------|
| Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ | 12.195.418.989 | 10.106.328.789 |
| Doanh thu từ giáo dục mầm non | 5.647.142.000 | 5.793.307.000 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư | 13.226.954.871 | 12.819.452.116 |

Cộng **31.069.515.860** **28.719.087.905**

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan
– Xem thêm mục 6.13:

| | | |
|--|-------------|-------------|
| Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội | 849.922.380 | 811.197.834 |
|--|-------------|-------------|

6.2. Giá vốn hàng bán

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|---|---------------|-----------------|
| Giá vốn của thành phẩm, dịch vụ và hàng hóa | 7.577.280.269 | 6.416.182.487 |
| Giá vốn giáo dục mầm non | 2.665.420.764 | 2.792.680.486 |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư | 1.130.802.510 | 1.740.622.321 |
| Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán | - | (4.357.076.725) |

Cộng **11.373.503.543** **6.592.408.569**

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|-----------------------------|---------------|-----------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 6.637.397.696 | 4.556.342.929 |
| Lãi bán các khoản đầu tư | - | 429.088.106 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 983.744.000 | 499.530.500 |

Cộng **7.621.141.696** **5.484.961.535**

6.4. Chi phí tài chính

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|------------------------------------|---------------|-----------------|
| Lãi tiền vay | 13.869.000 | - |
| Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư | (798.336.000) | - |

Cộng **(784.467.000)** **-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.5. Chi phí bán hàng

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|---------------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 31.779.500 | 90.170.363 |
| Các khoản chi phí bán hàng khác | - | 624.999 |
| Cộng | 31.779.500 | 90.795.362 |

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|---------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 3.164.544.888 | 2.927.795.811 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 394.173.364 | 283.744.828 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 404.884.080 | 341.708.468 |
| Thuế, phí và lệ phí | (232.383.731) | 264.667.553 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.307.391.844 | 902.371.404 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.578.758.660 | 1.923.776.037 |
| Cộng | 6.617.369.105 | 6.644.064.101 |

6.7. Thu nhập khác

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|--|-----------------------|-------------------------|
| Tiền điện, nước và phí bảo vệ môi trường | 4.623.002.046 | 3.673.740.806 |
| Tiền phạt, tiền bồi thường | 5.150.000.000 | - |
| Thu nhập khác | 50.743.096 | 160.943.979 |
| Cộng | 9.823.745.142 | 3.834.684.785 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.8. Chi phí khác

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Tiền điện, nước và phí bảo vệ môi trường | 4.098.980.869 | 3.019.984.814 |
| Các khoản khác | 8.570.304 | 73.902.523 |
| Cộng | 4.107.551.173 | 3.093.887.337 |

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 988.112.529 | 1.534.067.697 |
| Chi phí nhân công | 9.483.112.855 | 8.519.538.747 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.492.914.585 | 1.412.458.227 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.844.046.769 | 23.323.402.732 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.037.322.363 | 2.375.391.397 |
| Cộng | 20.845.509.101 | 37.164.858.800 |

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ | 27.168.666.377 | 11.060.603.856 |
| Cộng các khoản điều chỉnh tăng | 77.108.800 | 306.969.056 |
| Trừ các khoản điều chỉnh giảm | (601.752.280) | (625.265.575) |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính | 26.644.022.897 | 10.742.307.337 |
| Trong đó: | | |
| ▪ Thu nhập chịu thuế suất 10% | 2.304.870.253 | 2.001.585.250 |
| ▪ Thu nhập chịu thuế suất 20% | 24.339.152.644 | 1.514.299.160 |
| ▪ Thu nhập chịu thuế suất 22% | - | 7.226.422.927 |
| Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính | 5.098.317.555 | 2.092.831.401 |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước | 89.071.736 | 47.595.482 |
| Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ | 5.187.389.291 | 2.140.426.883 |

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không hợp lệ, lợi nhuận từ cổ tức,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là khoản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại

6.12. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh bất động sản
- Giáo dục mầm non
- Dịch vụ chung cư

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

| | Kinh doanh bất động sản VND | Giáo dục mầm non VND | Dịch vụ chung cư VND | Loại trừ VND | Tổng cộng VND |
|---|-----------------------------------|----------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu | | | | | |
| Từ khách hàng bên ngoài | 13.924.366.808 | 5.647.142.000 | 11.498.007.052 | - | 31.069.515.860 |
| Giữa các bộ phận | 2.196.909.090 | - | 991.669.535 | (3.188.578.625) | - |
| Cộng | <u>16.121.275.898</u> | <u>5.647.142.000</u> | <u>12.489.676.587</u> | <u>(3.188.578.625)</u> | <u>31.069.515.860</u> |
| Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | | |
| Kết quả bộ phận | 14.057.141.268 | 2.981.721.236 | 2.726.974.423 | (69.824.610) | 19.696.012.317 |
| Chi phí bán hàng | 31.779.500 | - | - | - | 31.779.500 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 4.712.973.810 | 906.889.223 | 1.094.167.890 | (96.661.818) | 6.617.369.105 |
| Thu nhập khác | 9.119.646.544 | 6.547.560 | 697.551.038 | - | 9.823.745.142 |
| Chi phí khác | 3.503.375.863 | - | 604.175.310 | - | 4.107.551.173 |
| Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính | 14.928.658.639 | 2.081.379.573 | 1.726.182.261 | 26.837.208 | 18.763.057.681 |
| Thu nhập tài chính | 10.698.137.611 | 223.490.680 | 59.402.161 | (3.359.888.756) | 7.621.141.696 |
| Chi phí tài chính | (784.467.000) | - | - | - | (784.467.000) |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 26.411.263.250 | 2.304.870.253 | 1.785.584.422 | (3.333.051.548) | 27.168.666.377 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.505.365.459 | 319.558.762 | 362.465.070 | - | 5.187.389.291 |
| Thuế thu nhập hoãn lại | - | - | - | 5.367.442 | 5.367.442 |
| Lợi nhuận sau thuế | <u>21.905.897.791</u> | <u>1.985.311.491</u> | <u>1.423.119.352</u> | <u>(3.338.418.990)</u> | <u>21.975.909.644</u> |
| Các thông tin khác | | | | | |
| Tài sản của bộ phận | 397.149.640.476 | 19.657.501.075 | 5.884.265.453 | (18.676.213.512) | 404.015.193.492 |
| Tổng tài sản hợp nhất | | | | | <u>404.015.193.492</u> |
| Nợ phải trả của bộ phận | 30.008.714.968 | 855.581.758 | 2.228.961.379 | (50.814.439) | 33.042.443.666 |
| Tổng nợ phải trả hợp nhất | | | | | <u>33.042.443.666</u> |
| Chi phí mua sắm tài sản | 355.802.526 | - | - | - | 355.802.526 |
| Chi phí khấu hao | 1.093.908.465 | 380.077.083 | 70.590.269 | 67.010.228 | 895.860.191 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2015

| | Kinh doanh bất động sản VND | Giáo dục mầm non VND | Dịch vụ chung cư VND | Loại trừ VND | Tổng cộng VND |
|---|-----------------------------------|----------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu | | | | | |
| Từ khách hàng bên ngoài | 3.401.833.756 | 5.793.307.000 | 8.966.972.149 | - | 18.162.112.905 |
| Giữa các bộ phận | 2.171.727.270 | - | 1.957.441.650 | (4.129.168.920) | - |
| Cộng | 5.573.561.026 | 5.793.307.000 | 10.924.413.799 | (4.129.168.920) | 18.162.112.905 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | | |
| Kết quả bộ phận | 6.044.168.610 | 3.000.626.514 | 2.640.687.819 | (115.778.607) | 11.569.704.336 |
| Chi phí bán hàng | 38.343.000 | - | 52.452.362 | - | 90.795.362 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 4.500.583.362 | 1.183.459.089 | 1.061.667.152 | (101.645.502) | 6.644.064.101 |
| Thu nhập khác | 3.697.697.874 | 2.231 | 136.984.680 | - | 3.834.684.785 |
| Chi phí khác | 3.031.984.814 | 3.627 | 61.898.896 | - | 3.093.887.337 |
| Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính | 2.170.955.308 | 1.817.166.029 | 1.601.654.089 | (14.133.105) | 5.575.642.321 |
| Thu nhập tài chính | 8.891.029.302 | 184.419.204 | 52.513.029 | (3.643.000.000) | 5.484.961.535 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 11.061.984.610 | 2.001.585.233 | 1.654.167.118 | (3.657.133.105) | 11.060.603.856 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.590.614.335 | 246.952.716 | 302.859.832 | - | 2.140.426.883 |
| Thuế thu nhập hoãn lại | - | - | - | (3.109.284) | (3.109.284) |
| Lợi nhuận sau thuế | 9.471.370.275 | 1.754.632.517 | 1.351.307.286 | (3.654.023.821) | 8.923.286.257 |
| Các thông tin khác | | | | | |
| Tài sản của bộ phận | 489.399.079.566 | 19.521.785.651 | 5.239.240.745 | (18.570.819.982) | 495.589.285.980 |
| Tổng tài sản hợp nhất | | | | | 495.589.285.980 |
| Nợ phải trả của bộ phận | 172.693.874.823 | 954.163.300 | 1.855.748.737 | (142.244.528) | 175.361.542.332 |
| Tổng nợ phải trả hợp nhất | | | | | 175.361.542.332 |
| Chi phí mua sắm tài sản | 249.839.920 | - | - | - | 249.839.920 |
| Chi phí khấu hao | 992.378.803 | 351.839.813 | 44.648.742 | 23.590.869 | 1.412.458.227 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.13. Thông tin về các bên có liên quan

Trong kỳ, Tập đoàn có các đơn vị dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26, và các giao dịch trọng yếu được xác định như bên dưới:

| <u>Danh sách các bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|------------------------------|
| 1. Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội | Công ty con |
| 2. Công ty TNHH MTV Sàn Giao Dịch BĐS Khánh Hội | Công ty con |
| 3. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội | Công ty con |
| 4. Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 5. Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội | Công ty liên kết |
| 6. Công ty CP Chế biến Thực Phẩm Hóc Môn | Công ty liên kết |
| 7. Thành viên Hội đồng quản trị | |
| 8. Thành viên Ban Tổng giám đốc | |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

| | <u>Tại ngày 30/06/2016 VND</u> | <u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u> |
|--|--|--|
| Phải thu – Xem thêm mục 5.3: | | |
| Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội | 2.530.468.777 | 1.852.280.452 |
| Tổng công ty Bến Thành – TNHH MTV | 5.192.035 | - |
| Cộng | 2.535.660.812 | 1.852.280.452 |

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

| | <u>Kỳ này VND</u> | <u>Kỳ trước VND</u> |
|--|-----------------------|-------------------------|
| Bán hàng – Xem thêm mục 6.1: | | |
| Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội | 849.922.380 | 811.197.834 |
| Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau: | | |
| | <u>Kỳ này VND</u> | <u>Kỳ trước VND</u> |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 774.500.000 | 429.625.000 |
| Thu nhập Ban Điều hành | 540.000.000 | 405.302.041 |
| Cộng | 1.314.500.000 | 834.927.041 |

6.14. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.


BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 11 tháng 08 năm 2016.




Nguyễn Ngọc Hạnh
Tổng giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng
08 năm 2016


Quách Toàn Bình
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Nhựt
Người lập